

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HS-ST

Ngày: 08-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Trọng;
Bà Siu H' Bing.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Quang C, sinh ngày: 27/5/1991 tại Phú Thọ; Nơi cư trú: thôn T, xã Đ' N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: viên chức; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Quang P, sinh năm: 1967 và bà Bùi Thị P1, sinh năm: 1966; Có vợ Nguyễn Thị N và 02 con.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Quyết định số 14/QĐ-XPVPHC ngày 01/4/2021, Công an xã P, huyện Đ xử phạt hành chính Đỗ Quang C số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc trái phép*”, bị cáo nộp phạt vào ngày 14/4/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh ngày 09/8/2023. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại thôn T, xã Đ' N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ban Q. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại hợp pháp của nguyên đơn dân sự:* Ông Đinh Văn T; Chức vụ Phó Phòng kỹ thuật – quản lý bảo vệ rừng – Ban Q. (*Văn bản ủy quyền số 03/GUQ-BQL ngày 07/11/2023*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông **Trịnh Quốc T1**; Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị C1**; Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Ông **PiNăng H**; Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Ông **KaTor S**; Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Ông **PiNăng V**; Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Ông **PiNăng Đ**; Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị N**; Địa chỉ: thôn T, xã Đ' N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

- *Người làm chứng:*

+ Ông **K**; Có mặt.

+ Ông **Đinh Văn T**; Có mặt.

+ Ông **Hồ Minh Đ1**; Có mặt.

+ Bà **K1**; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/4/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ có Quyết định số 582/QĐ-UBND về việc tuyển dụng Viên chức đối với Đỗ Quang C, làm việc tại Ban Q (BQLRPH) Phi Liêng, huyện Đ; Ngày 03/12/2021, BQLRPH Phi Liêng có Quyết định số 54/QĐ-BQL về việc kiện toàn Trạm quản lý bảo vệ rừng P, theo đó phân công Đỗ Quang C làm Phó trạm trưởng. Ngày 11/8/2022, BQLRPH Phi Liêng có Quyết định số 14/QĐ-BQL về việc phân công Đỗ Quang C phụ trách tiểu khu B, 210B, 217, thuộc địa giới hành chính xã P, huyện Đ, theo đó, Đỗ Quang C có nhiệm vụ: Phối hợp với Hạt kiểm lâm Đ4, UBND xã P tổ chức lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng thường xuyên kiểm tra, bảo vệ tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp; Kịp thời phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp trên lâm phần các tiểu khu B, 210B, 217; Chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị và pháp luật khi để xảy ra các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn mà không kịp thời phát hiện, ngăn chặn, không báo cáo và không có biện pháp xử lý.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, vào thời điểm khoảng cuối tháng 9, đầu tháng 10/2022, Đỗ Quang C đi kiểm tra, phát hiện tại khu vực lô b khoảnh 4 tiểu

khu B có một phần diện tích rừng lồ ô bị phát dọn, đang mọc tái sinh. Tuy nhiên, do thấy diện tích nhỏ nên C không lập biên bản, không báo cáo lãnh đạo BQLRPH Phi Liêng. Cho đến ngày 26/02/2023 khi nhận được tin báo tại khu vực này có cháy rừng, thì ngày 28/02/2023 C mới quay lại hiện trường. Vì vậy trong thời điểm từ tháng 9/2022 đến tháng 02/2023 do Đỗ Quang C không đi tuần tra, kiểm soát rừng, đã tạo điều kiện cho Nguyễn Thị C1, sinh năm 1977, trú tại thôn Đ, xã P thuê các đối tượng Kator Soái, P, Pinăng Đ2, Pinăng V1, cùng trú xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận và một số người khác thực hiện hành vi phát phá, cưa hạ, cắt khúc, đốt cây rừng trên toàn bộ diện tích rừng hơn 04 ha.

Kết quả khám nghiệm, xác định hiện trường, thể hiện: Vị trí rừng bị hủy hoại tại lô b khoảnh 4 tiểu khu B, lâm phần do BQLRPH Phi Liêng quản lý, thuộc địa giới hành chính xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tổng diện tích rừng bị hủy hoại 44.640 m² (4,464 ha), đối tượng rừng phòng hộ rất xung yếu, trạng thái rừng lá rộng thường xanh nghèo và Lồ ô tái sinh. Dấu vết cây rừng bị chặt hạ bằng rìu, dao phát và máy cưa xăng cầm tay, bị cắt khúc, đốt cháy nham nhở, mức độ thiệt hại 100%. Trên toàn bộ diện tích này, chia làm 03 khu vực (hiện trường):

Hiện trường 01: Diện tích 30.570 m², trạng thái rừng trước khi bị hủy hoại là lá rộng thường xanh; hiện trạng toàn bộ cây lá rộng xen kẽ một số cây thông ba lá đã bị chặt, cưa hạ hoàn toàn, một số cây bị đốt cháy hoàn toàn, còn lại cháy nham nhở, nằm ngổn ngang tại hiện trường.

Hiện trường 02: Diện tích 10.820 m², trạng thái rừng trước khi bị hủy hoại là Lồ ô tái sinh; hiện trạng đã bị chặt hạ, đốt cháy hoàn toàn; ngoài ra ghi nhận có một số thân, cành cây gỗ bị cắt khúc, chất đống để đốt.

Hiện trường 03: Diện tích 3.250 m², trạng thái rừng trước khi bị hủy hoại là lá rộng thường xanh; hiện trạng các cây gỗ Táp lá rộng đã bị chặt, cưa hạ, lá ngã vàng, chưa bị đốt cháy và nằm ngổn ngang tại hiện trường.

Tại hiện trường 01 và 03 đo đếm được 732 cây gỗ các loại, với tổng khối lượng lâm sản còn lại 292,416 m³, trong đó: Chủng loại Thông ba lá (*nhóm IV*) là 41 cây, khối lượng lâm sản còn lại hiện trường là 54,316 m³; Chủng loại gỗ Táp (*nhóm VI*) là 691 cây, khối lượng lâm sản còn lại hiện trường là 238,10 m³. Được định giá thiệt hại là 507.155.000 đồng, trong đó thiệt hại về lâm sản là 101.431.000 đồng (*sau khi trừ đi chi phí vận chuyển 344.645.000 - 243.214.000 = 101.431.000 đồng*), thiệt hại về môi trường 405.724.000 đồng (*hệ số k = 4*). Tại hiện trường 02, lập 03 ô tiêu chuẩn xác định bình quân có 217 cây Lồ ô/500 m², quy ra trữ lượng 4.340 cây/ha. Vì vậy giá bồi thường trên diện tích 10.820 m² rừng lồ ô tái sinh là 34.203.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại về rừng của 44.640 m² là 541.358.000 đồng (*theo Kết luận định giá tài sản số 19 ngày 23/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ*). Như vậy giá trị thiệt hại về lâm sản (gỗ) là tài sản trên toàn bộ diện tích 44.640 m² rừng là 101.431.000 đồng. Đối với thiệt hại về lồ ô được định giá là giá trị bồi thường

34.203.000 đồng, không phải là tài sản.

Quá trình điều tra đã chứng minh được: Vào khoảng ngày 26/02/2023, Đỗ Quang C nhận được thông tin từ ông Nguyễn Trường G, Phó trưởng BQLRPH Phi Liêng về việc phát hiện cháy rừng tại khu vực tiểu khu B. Đỗ Quang C đã yêu cầu Tổ giao khoán vào hiện trường để kiểm tra nhưng do trời tối, đường khó đi nên Tổ giao khoán chỉ quan sát từ khu vực bên ngoài gần Quốc lộ B. Đến ngày 28/02/2023, Đỗ Quang C trực tiếp đi vào hiện trường để kiểm tra thì phát hiện diện tích rừng đã bị hủy hoại như nêu trên. Thấy diện tích rừng bị phát phá quá lớn, lâm sản thiệt hại quá nhiều, nên Đỗ Quang C không báo cáo lãnh đạo BQLRPH Phi Liêng mà dự định tự mật phục bắt đối tượng. Đến khoảng ngày 01, 02/3/2023, Đỗ Quang C tiếp tục vào gần khu vực hiện trường nhưng không phát hiện đối tượng. Đến ngày 06/3/2023, khi nhận được thông tin có các đối tượng đang phát phá trong tiểu khu B, thì C đã gọi điện báo cho anh Đinh Văn T, nhân viên Phòng K2 biết để phối hợp. Sau đó, anh T đã cùng với các cá nhân, đơn vị liên quan phối hợp kiểm tra, phát hiện Nguyễn Thị C1 cùng các đối tượng khác đang có hành vi phát phá, đốt cây lồ ô, cây gổ tại hiện trường, nên đưa về trụ sở BQLRPH P để làm việc.

Cơ quan điều tra cũng xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến ngày 06/3/2023, Đỗ Quang C có thực hiện một số nhiệm vụ khác do lãnh đạo BQLRPH Phi Liêng phân công. Tuy nhiên, các nhiệm vụ mà C được giao là không thường xuyên và chỉ thực hiện trong thời gian từ 01 đến 02 ngày. Ngoài ra, C cũng không nghỉ phép hoặc vắng mặt dài ngày trong thời gian công tác. Trong khi đó, việc Nguyễn Thị C1 và các đối tượng liên quan thực hiện được hành vi hủy hoại rừng trong thời gian dài là do Đỗ Quang C không thực hiện việc tuần tra bảo vệ rừng, không kịp thời phát hiện hành vi hủy hoại rừng, không báo cáo Trạm quản lý bảo vệ rừng Phi L và lãnh đạo K2.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 12/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Đỗ Quang C về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; Điều 36, điểm s, b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Đỗ Quang C phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, xử phạt bị cáo Đỗ Quang C từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 101.431.000 đồng bị cáo C đã nộp để khắc phục hậu quả. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không thắc mắc, khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đại diện Nguyên đơn dân sự đề nghị Tòa án cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về phần trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị N trình bày: bà là vợ của bị cáo C, quá trình điều tra bị cáo C đã tác động bà tự nguyện nộp số tiền 101.431.000 đồng để khắc phục hậu quả, nay bà không có yêu cầu gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình gây ảnh hưởng đến cơ quan, tổ chức, gây thiệt hại đến tài nguyên của Nhà nước, bị cáo mong muốn được tiếp tục làm việc để sửa chữa lỗi lầm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy những người này vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời trong quá trình điều tra, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối những người này là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Quang C khai nhận: Bị cáo là Trạm phó trạm quản lý bảo vệ rừng Phi L thuộc Ban Q và được phân công phụ trách tiểu khu B, 210B, 217, thuộc địa giới hành chính xã P, huyện Đ nhưng bị cáo đã không thực hiện đúng và đủ chức trách, nhiệm vụ của mình, không kịp thời phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả các hành vi vi phạm Luật lâm nghiệp xảy ra tại tiểu khu B. Cụ thể khoảng cuối tháng 9, đầu tháng 10/2022, bị cáo đi kiểm tra, phát hiện tại khu vực lô b khoảng 4 tiểu khu B có một phần diện tích rừng lô ô bị phát dọn, đang mọc tái sinh. Tuy nhiên, do thấy diện tích nhỏ nên không lập biên bản, không báo cáo lãnh đạo BQLRPH Phi Liêng mà cho đến ngày 26/02/2023 khi nhận được tin báo tại khu vực này có cháy rừng, thì ngày 28/02/2023 bị cáo mới quay lại hiện trường. Từ tháng 9/2022 đến 02/2023 do bị cáo không đi tuần tra, kiểm soát rừng tại khu vực khoảng 4, tiểu khu B do bị cáo được phân công quản lý bảo vệ nên đã để cho Nguyễn Thị C1, trú tại thôn Đ, xã P thuê các đối tượng Kator Soái, P, Pinăng Đ2, Pinăng V1, cùng trú xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận và một số người khác thực hiện hành vi hủy hoại rừng trên diện tích đất rừng là 44.640 m² tại lô b, khoảng 4, tiểu khu B thuộc đối tượng rừng phòng hộ rất xung yếu, trạng thái rừng là

rộng thường xanh nghèo và lồ ô tái sinh, gây thiệt hại tài sản là 344.465.000 đồng (thiệt hại về lâm sản là gỗ có giá bán tại bãi theo Kết luận định giá tài sản số 19 ngày 23/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ). Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện nguyên đơn dân sự, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đỗ Quang C phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ để các đối tượng khác thực hiện hành vi hủy hoại rừng trên diện tích rộng, trực tiếp xâm phạm đến tài nguyên rừng của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, gây mất lòng tin của cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, do vậy cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh, tương xứng với hành vi của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phát hiện rừng bị hủy hoại, bị cáo đã mật phục để phát hiện các đối tượng vi phạm đồng thời báo với các cán bộ liên quan phối hợp bắt giữ các đối tượng vi phạm để xử lý theo quy định, việc làm của bị cáo đã góp phần làm giảm bớt tác hại của tội phạm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình và vợ bị cáo đã nộp số tiền 101.431.000 đồng để xin khắc phục hậu quả xảy ra, mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa thì Nguyên đơn dân sự là Ban Q không yêu cầu trách nhiệm dân sự với bị cáo C. Trách nhiệm dân sự đối với vụ án do Nguyễn Thị C1 và đồng phạm thực hiện hành vi hủy hoại rừng tại lô b khoảnh 4 tiểu khu B, xã P đã được giải quyết tại bản án số 38/2023/HS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, do vậy bị cáo không phải bồi thường thiệt hại trong vụ án này nhưng cũng ghi nhận và áp dụng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Mặt khác, hồ sơ thể hiện trong quá trình công tác ở Ban Q, bị cáo nhiều lần được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến do hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác, đại diện Ban Q cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt: Bị cáo từng bị xử phạt tiền về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt nhưng đã quá thời gian được xem như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội không vì mục đích vụ lợi,

các đối tượng trực tiếp thực hiện hành vi “hủy hoại rừng” tại lô b khoảnh 4 tiểu khu B xã P đã bị truy tố, xét xử và đi chấp hành án theo quy định; bị cáo là viên chức công tác tại Ban Q, có nơi làm việc ổn định do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và cũng tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục làm việc, công tác, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ để chuộc lại lỗi lầm đã gây ra, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam.

Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự thì người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Bị cáo có nguồn thu nhập từ lương do Ban Q chi trả hàng tháng, theo bị cáo và đại diện Ban Q trình bày, mức lương hàng tháng của bị cáo là 4.000.000 đồng, do vậy cần khấu trừ một phần thu nhập mỗi tháng là 20% số tiền lương do bị cáo được nhận là 800.000 đồng/ tháng để sung quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thì Ban Q không yêu cầu trách nhiệm dân sự với bị cáo C và trách nhiệm dân sự đối với vụ án do Nguyễn Thị C1 và đồng phạm thực hiện hành vi hủy hoại rừng tại lô b khoảnh 4 tiểu khu B, xã P đã được giải quyết tại bản án số 38/2023/HS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, bị cáo không phải bồi thường thiệt hại trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với số tiền 101.431.000 đồng vợ bị cáo nộp để xin khắc phục hậu quả xảy ra, do bị cáo không phải bồi thường thiệt hại nên cần tuyên trả số tiền này cho vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị N.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Đối với ông K, Kiểm lâm viên Hạt kiểm lâm Đam Rông, được giao phụ trách địa bàn xã P, bao gồm 11 tiểu khu, trong đó có tiểu khu B. Với nhiệm vụ chính được quy định tại Quyết định số 83 ngày 04/10/2007 của Bộ N1, là: Tham mưu về chức năng quản lý nhà nước về Lâm nghiệp; thực hiện các nhiệm vụ nghiệp vụ của Kiểm lâm địa bàn. Tuy địa bàn quản lý rộng, trải dài trong 11 tiểu khu, địa hình bị chia cắt và thời gian nhận công tác chưa lâu, nhưng ngay sau khi nhận quyết định công tác, ông K đã phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra địa bàn phụ trách, đồng thời, sau khi phát hiện đối tượng vi phạm, ông K cùng Hạt Kiểm lâm Đam Rông tiến hành điều tra, tham mưu xử lý. Vì vậy, hành vi của ông K không đủ căn cứ xử lý hình sự.

[8.2] Đối với ông Trịnh Quốc T1, Phụ trách Trạm trưởng Trạm quản lý bảo vệ rừng P, là cấp trên trực tiếp của Đỗ Quang C. Ông T1 không có báo cáo về vi phạm xảy ra tại tiểu khu B cho lãnh đạo BQLRPH Phi Liêng do không được Đỗ Quang C báo cáo lại. Ông Trịnh Quốc T1 và Đỗ Quang C có thống nhất về việc chia địa bàn

phụ trách chung và xin ý kiến của lãnh đạo BQLRPH Phi Liêng. Việc phân chia địa bàn quản lý không được thể hiện bằng văn bản, tuy nhiên có sự đồng ý của lãnh đạo BQLRPH Phi Liêng, vì vậy ông Trịnh Quốc T1 chỉ chịu trách nhiệm gián tiếp đối với thiệt hại tại tiểu khu B. Hành vi của Trịnh Quốc T1 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

[8.3] Đối với các đối tượng Nguyễn Thị C1, Pi Năng H1, Pi Năng S1, Phi Đăng Đ3, Phi Năng V2 có hành vi “hủy hoại rừng” tại lô b, khoảnh 4, tiểu khu B xã P đã được đưa ra xét xử tại Bản án số 38/2023/HS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã đi chấp hành án.

[8.4] Qua vụ án, Hội đồng xét xử kiến nghị Ban Q tăng cường công tác lãnh, chỉ đạo cán bộ, viên chức, người lao động và thành viên các tổ nhận khoán bảo vệ rừng nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng để kịp thời phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả các hành vi vi phạm Luật lâm nghiệp xảy ra trên địa bàn phụ trách, không để xảy ra tình trạng tương tự.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm khoản d khoản 1 Điều 360, điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 36 Bộ luật Hình sự; Các điều 135, 136, 299, 326, 329, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang C phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Xử phạt bị cáo Đỗ Quang C 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ, được trừ 38 ngày đã tạm giam (từ 03/7/2023 đến 09/8/2023), quy đổi thành 114 ngày cải tạo không giam giữ, tức là 3 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 02 năm 08 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập hàng tháng của bị cáo số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng)/ tháng để sung công quỹ nhà nước trong thời gian bị cáo cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Đ nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ' N, huyện Đ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ' N trong việc giám sát và

giáo dục bị cáo; trường hợp thay đổi nơi cư trú, hoặc nơi làm việc thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 101.431.000 đồng (một trăm lẻ một triệu bốn trăm ba mươi một ngàn đồng) đã nộp (theo ủy nhiệm chi số 10 ngày 06/9/2023 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Quang C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND huyện Đam Rông (02);
- Chi cục THADS huyện Đam Rông (01);
- Công an huyện Đam Rông (02);
- Bộ phận theo dõi THAHS;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Hải Dương